TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/DS-ST
Ngày: 12-7- 2024
V/V "tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng bảo lãnh"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đinh Ngọc Dình.
Ông Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 51/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2024 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng bảo lãnh" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Hồng V. Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà V: Bà Huỳnh Thị Kim N. Địa chỉ: khu phố X, thị trấn V, huyện T, tỉnh Long An (văn bản uỷ quyền ngày 26/12/2023).

- Bị đơn:
1/ Bà Huỳnh Ngọc Bảo T1. Địa chỉ: thị trấn V, huyện T, tỉnh Long An.
Chỗ ở hiện nay: xã T, huyện T, tỉnh Long An.
2/ Bà Đỗ Thị Thanh T2. Địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23-12-2023 và tại biên bản không hòa giải được ngày 12-4-2024 của bà Huỳnh Thị Kim N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 03/7/2023, bà Huỳnh Ngọc Bảo T1 có vay của bà Trương Thị Hồng V số tiền 105.930.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay hẹn đến ngày 03/02/2025 trả vốn vay, hai bên thỏa thuận hằng tháng bà T1 trả dần cho bà V mỗi tháng là 5.000.000 đồng, thời gian trả bắt đầu trả vào ngày 03 hằng tháng, nhưng đến hạn thanh toán bà T1 không trả

vốn vay cho bà V mặc dù bà V có liên lạc đòi nợ nhiều lần. Việc vay tiền này của bà T1 có bà Đỗ Thị Thanh T2 là mẹ chồng của bà T1 có ký giấy bảo lãnh cho bà T1. Bà T1 có trả cho bà V nhiều lần tổng cộng là 12.000.000 đồng, nên số tiền còn lại là 93.930.000 đồng. Nay bà V yêu cầu bà T1, bà T2 cùng liên đới trả số tiền vốn vay là 93.930.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Huỳnh Ngọc Bảo T1 là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của bà N là người đại diện theo ủy quyền của bà V là đúng. Nay bà xin bà V cho bà trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi xong nợ.

Bà Đỗ Thị Thanh T2 là bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ của vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại tòa phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Trương Thị Hồng V khởi kiện bà Huỳnh Ngọc Bảo T1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng bảo lãnh" được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Bà T2 vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy bà V yêu cầu bà T1, bà T2 phải liên đới trả cho bà V tiền vốn vay còn lại là 93.930.000 đồng và không tính lãi suất, yêu cầu trả 01 lần, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản không hòa giải được ngày 12/4/2024 bà N là người đại diện theo uỷ quyền của bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà V đối với bà T1, bà T2. Xét thấy bà V đã cho bà T1 vay và còn nợ số tiền là 93.930.000 đồng, bà T1 có ký tên. Bà T1 thừa nhận còn nợ bà V số tiền là 93.930.000 đồng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi xong nợ nhưng không được bà N là người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn chấp nhận, không phù hợp với quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận.

Đối với bà Đỗ Thị Thanh T2 ký bảo lãnh cho bà T1 vay tiền của bà V. Xét thấy bà V đã cho bà T1 vay và còn nợ số tiền là 93.930.000 đồng, nhưng được sự bảo lãnh của bà T2, bà T2, bà T1 có ký tên vào giấy nhận nợ. Bà T2 vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ bà T2 đã từ bỏ quyền chứng minh của mình và đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V đối với bà T2, bà T1. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V buộc bà T2, bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V số tiền vốn vay là 93.930.000 đồng theo quy định tại các điều 288, 335, 342 Bộ luật dân sự năm 2015; khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí:

Bà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T1, bà T2 phải liên đới chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 288, 335, 342, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Hồng V về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng bảo lãnh" đối với bà Huỳnh Ngọc Bảo T1 và bà Đỗ Thị Thanh T2.

Buộc bà T1, bà T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V với số tiền vốn vay là 93.930.000 đồng (chín mươi ba triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà V không phải chịu án phí, bà V được nhận lại số tiền là 2.640.000 đồng (hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số 0008610 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Bà T1, bà T2 phải liên đới chịu 4.696.500 đồng (bốn triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Bảo Trí